TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Trâm và ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2024/TLST-DS ngày 28/3/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS ngày 25/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T3.

Địa chỉ trụ sở: Lầu A, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Taniguchi N - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Việt N1 - Chức vụ: Phó bộ phận quản lý công nợ *(Văn bản ủy quyền số 17/2023/UQ-JIVF ngày 19/9/2023)*

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành T - Nhân viên JIVF *(Văn bản ủy quyền số 360/2024/UQ-JIVF-LM ngày 19/3/2024)* (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số F T, khu phố C, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty T3 *(sau đây gọi tắt là Công ty J)* là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được Ngân hàng N2 cấp phép hoạt động theo Giấy phép số 80/GP-NHNN ngày 25/7/2018.

Ngày 02/01/2023, Công ty J và bà Trần Thị T1 ký Hợp đồng tín dụng số 21100003676551000, bà T1 vay tiền của Công ty J để mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay 32.411.600 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 4.1772%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền thanh toán mỗi tháng 2.176.519 đồng. Ngày bắt đầu thanh toán 31/01/2023, hạn thanh toán cuối cùng 31/12/2024.

Từ ngày 31/01/2023 đến ngày 31/7/2023 bà Trần Thị T1 thanh toán cho Công ty J số tiền 13.062.000 đồng. Từ ngày sau ngày 31/7/2023, bên vay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty J. Do bà Trần Thị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Trần Thị Thì P trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tính đến ngày 18/9/2024 là 45.110.765 đồng *(Bốn mươi lăm triệu một trăm mười nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 26.728.807 đồng, lãi trong hạn 14.499.590 đồng và lãi quá hạn 3.738.368 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng.

- Buộc bà Trần Thị T2 tiếp tục thanh toán cho Công ty JIVF tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn các loại phí từ sau ngày 18/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị T1: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T1 nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty J khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thì P trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 21100003676551000 ngày 02/01/2023. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại khu phố C, phường V, TP . - T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T1 đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, đối chiếu với Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn. Hợp đồng tín dụng số 21100003676551000 ngày 02/01/2023 thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của bà Trần Thị T1 nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 02/01/2023, bà Trần Thị T1 vay của Công ty J số tiền 32.411.600 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 4.1772%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền thanh toán mỗi tháng 2.176.519 đồng. Ngày bắt đầu thanh toán 31/01/2023, hạn thanh toán cuối cùng 31/12/2024. Tính đến ngày 31/7/2023, bà T1 đã thanh toán cho JIVF số tiền là 13.062.000 đồng, trong đó trả nợ gốc 5.682.793 đồng, lãi trong hạn

7.307.207 đồng và phí quản lý khoản vay 72.000 đồng

[2.2] Từ ngày 31/7/2023, đến nay bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty J nên Công ty J chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn như đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 1, Điều 3 và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng dụng 2010 và Điều 9 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 quy định về cho vay tiêu dùng của Công ty T3. Tính đến ngày 18/9/2024, bà Trần Thị T1 còn nợ Công ty J số tiền 45.110.765 đồng *(Bốn mươi lăm triệu một trăm mười nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 26.728.807 đồng, lãi trong hạn 14.499.590 đồng và lãi quá hạn 3.738.368 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng.

[2.3] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Trần Thị T1 vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ: Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T3 JACCS.

2. Buộc bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T3 JACCS số tiền 45.110.765 đồng (Bốn mươi lăm triệu một trăm mười nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng), (Trong đó: Nợ gốc là 26.728.807 đồng, lãi trong hạn 14.499.590 đồng và lãi quá hạn 3.738.368 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T3 JACCS.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thì P chịu 2.256.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho Công ty T3 JACCS số tiền đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001861 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng